
CHỦ ĐỀ 1: BỘ CÂU HỎI PHÒNG VẤN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

1. WHAT IS YOUR GREATEST WEAKNESS FOR POSITION OF IMPORT EXPORT MANAGER?

Điểm yếu lớn nhất của bạn khi trở thành một giám đốc phụ trách xuất nhập khẩu là gì?

a. Cách trả lời :

- Cách đầu tiên: Biến điểm mạnh thành điểm yếu

Ví dụ, bạn có thể nói rằng:

I'm a perfectionist and thus, I rarely believe in anyone who can work as well as me. As a result, I'm afraid to delegate important tasks to others.

Tôi là người cầu toàn nên tôi ít khi tin tưởng vào việc một người nào đó có thể làm tốt công việc. Và chính điều này khiến tôi ngại giao việc quan trọng cho người khác. Nhưng hãy cẩn thận khi nói về yếu điểm như trên vì có thể bạn dễ bị nhà tuyển dụng phát hiện bạn đang nói dối đấy.

- Cách thứ hai: Khắc phục điểm yếu

Bạn có thể nêu điểm yếu trước và cách bạn đã khắc phục điểm yếu đó như thế nào

Ví dụ: I tended to be a perfectionist, therefore I didn't like to delegate to others. But I have found out that in order to develop the organization, everyone in the organization must be experienced with many tasks and this is very good for an efficient team work.

Tôi đã từng là một người rất cầu toàn, tôi từng không thích phân việc cho người khác. Nhưng tôi phát hiện ra rằng để đưa công ty phát triển đi lên, mọi người cần được

trải nghiệm nhiều công việc khác nhau và đó mới là điều tốt nhất cho một nhóm làm việc hiệu quả.

b. Các bước trả lời:

- Bạn cần phải thể hiện qua thái độ và giọng nói một cách chân thật rằng đó thực sự là điểm yếu của bạn. Và bạn nên nói về trường hợp mà điểm yếu đó đã gây cho bạn những phiền toái và khó khăn.

- Sau đó bạn đề cập đến những giải pháp mà bạn đã làm để khắc phục yếu điểm đó (có thể là khắc phục được một phần hoặc hoàn toàn)

c. Một vài tips

- Đây là một câu hỏi rất phổ biến cho bất cứ vị trí nào, không phải chỉ riêng vị trí manager, vì vậy bạn đừng cố tránh trả lời nó, hãy suy nghĩ xem mình có điểm yếu gì và nên tiếp cận nó theo cách nào

- Không nên đề cập đến một điểm yếu mà nó liên quan trực tiếp đến công việc (ví dụ nhân viên xuất nhập khẩu cần tính cách tỉ mỉ, bạn lại nói rằng bạn là một người cầu thả, bất cần, như vậy nhà tuyển dụng sẽ cảm thấy có vấn đề ngay)

- Đừng nói bạn không có điểm yếu nào cả. Chẳng ai hoàn hảo trên đời này , kể cả nhà tuyển dụng cũng vậy. Họ sẽ không hài lòng nếu bạn không hiểu rõ về bản thân mình.

2. WHAT EXPERIENCE DO YOU HAVE IN THIS FIELD AS IMPORT EXPORT MANAGER?

Mẹo trả lời:

- Nói về thời gian, nơi làm việc, kinh nghiệm của bạn thật cụ thể nhưng phải liên quan đến công việc mà bạn đang ứng tuyển. Nếu bạn không có kinh nghiệm cụ thể

nào liên quan, hãy bóc tách những kỹ năng bạn có từ công việc trước để nói rằng nó cũng cần thiết cho công việc sắp tới.

Ví dụ: bạn đã từng có kinh nghiệm làm tài chính cho sự kiện ở cơ quan cũ và bạn đang ứng tuyển một vị trí sales xuất khẩu, bạn có thể nói rằng kỹ năng phân tích số liệu là một kỹ năng cần thiết cho một người làm sales. Hơn nữa, bạn cũng có thể kể về cách bạn đã thuyết phục người khác ra sao khi hoạt động trong nhóm, khi nói chuyện với teammate,...Cách bạn kể những câu chuyện này cũng là một yếu tố quan trọng mà nhà tuyển dụng để ý đến khi bạn ứng tuyển làm sales đấy.

Một ví dụ khác để trả lời câu hỏi tiếng anh xuất nhập khẩu cho bạn tham khảo:

I have been working with computers since 2014. I also have a degree in computer repair. I have worked for a software company and I am knowledgeable about it. I believe I can perform well when applying for sales position. (Giả sử bạn đang ứng tuyển cho vị trí sales trong một công ty chuyên xuất khẩu các linh kiện điện tử đi nước ngoài, nếu bạn có kinh nghiệm liên quan đến máy tính, phần mềm điện tử thì đó là một lợi thế lớn cho bạn đấy)

3. WHAT ARE ROLES AND RESPONSIBILITIES OF MANAGER IMPORTS?

Công việc của một người quản lý việc nhập khẩu của một công ty bao gồm việc lên kế hoạch nhập khẩu, quản trị nguyên vật liệu, liên lạc với các bên vận chuyên, giao nhận, các cơ quan hải quan , quản lý các rủi ro phát sinh...

Ngoài ra tùy thuộc vào từng công ty mà bạn có thể có những câu trả lời khác nhau. Bạn nên xem Job description cho mỗi vị trí để trả lời.

Bạn có thể tham khảo cách trả lời sau:

The primary responsibility of the Import/ Export Manager is production planning and expediting, material management, transportation to and from the plant, shipping, receiving and traffic management.

4. WHAT HAVE YOU DONE TO IMPROVE YOUR KNOWLEDGE FOR IMPORT AND EXPORT IN LAST YEAR?

Bạn đã làm gì để trau dồi kiến thức về xuất nhập khẩu trong năm vừa qua?

Mẹo trả lời:

- Đề cập đến những tiến bộ, và thành tựu của bạn liên quan đến công việc. Ngoài ra bạn cần nhấn mạnh vào vai trò của mình trong những công việc team-work, đến thành tích mà cả bộ phận và phòng ban mang lại cho công ty.

- Nhà tuyển dụng muốn trông đợi một ứng viên có mục tiêu, và cầu tiến. Vì vậy bạn cần show ra rằng ngoài kiến thức liên quan đến công việc, bạn cũng đang học hỏi kiến thức cuộc sống như một thói quen, ví dụ cập nhật tin tức kinh tế, chính trị, học tiếng anh giao tiếp, học cách quản lý thời gian, quản lý dự án, tìm hiểu các công cụ nâng cao hiệu quả công việc, cân bằng cuộc sống và công việc.

Ví dụ để bạn tham khảo:

- Every should learn from his mistake. I always try to consult my mistakes with my kith and kin especially with ederly and experienced person. (Mọi thứ chúng ta học được từ việc mắc sai lầm. Tôi luôn cố gắng nhờ những người có kinh nghiệm tư vấn và đưa ra lời khuyên giúp tôi khi tôi mắc phải một lỗi nào đó..)

- I enrolled myself into a course useful for the next version of our current project. I attended seminars on personal and development and managerial skills improvement (Tôi đã đăng ký cho mình một khóa học rất hữu ích cho dự án hiện tại

của chúng tôi hồi đó. Đó là khóa học về phát triển kỹ năng cá nhân và kỹ năng quản trị)

5. EXPLAIN IMPORT AND EXPORT MANAGER JOB RESPONSIBILITIES?

Để giải thích kỹ hơn về nhiệm vụ của một nhân viên quản lý công việc xuất nhập khẩu của một công ty, bạn có thể tham khảo các ý sau:

- Managing the development, implementation and maintenance of import and export compliance policies and procedures. (Quản lý sự vận hành, và thực hiện quy trình xuất nhập khẩu đảm bảo tuân thủ các chính sách, và luật lệ)
- Developing and executing risk assessment of import and export programs to ensure that all sites follow established policies and procedures. (Quản lý rủi ro cho các hoạt động xuất nhập khẩu)
- Overseeing all import and export activities to ensure compliance with laws and regulations, consulting with legal experts to resolve any legal compliance issues or concerns. (Đàm phán với các bên tư vấn luật để giải quyết bất cứ vấn đề phát sinh)
- Conducting training on government laws, rules, and regulations as they pertain to organizational products, services and technologies (Thực hiện các trainings về luật, chính sách và các quy định, điều lệ liên quan đến sản phẩm, dịch vụ và công nghệ)

6. COMPETENCY BASED IMPORT EXPORT STAFF INTERVIEW QUESTIONS

Describe a situation in which you had to collect information (Mô tả một tình huống mà bạn phải đi thu thập thông tin)

What techniques and tools do you use to keep yourself organized? (Bạn thường dùng công cụ hoặc kỹ thuật gì để giúp công việc của mình có tổ chức và trình tự hơn)

Why did you decide to pursue this career? (Vì sao bạn lại quyết định theo đuổi ngành này)

How do you feel about taking no for an answer (Bạn cảm thấy như nào khi nhận được câu trả lời Không)

7. SITUATIONAL IMPORT EXPORT ASSISTANT INTERVIEW QUESTIONS

Một số câu hỏi phỏng vấn liên quan đến tình huống trong ngành xuất nhập khẩu

How did you handle meeting a tight deadline? (Làm thế nào để tổ chức tốt một cuộc họp với thời gian rất gấp rút)

What do you think would you be willing to travel for work? (Bạn có sẵn sàng đi công tác không)

What three character traits would your friends use to describe you? (3 từ mà bạn bè thường dùng để mô tả bạn)

What parts of your education do you see as relevant to this position? (Kiến thức nào bạn đã từng học mà bạn thấy liên quan đến vị trí mà bạn đang ứng tuyển)

What support training would you require to be able to do this job? (Bạn cần training và hỗ trợ gì để có thể làm ở vị trí này)

CHỦ ĐỀ 2: MỘT SỐ TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

I. TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU CƠ BẢN NHẤT ĐỊNH PHẢI BIẾT

- Exporter: người xuất khẩu
- Export: xuất khẩu
- Import: nhập khẩu
- Importer: người nhập khẩu
- Sole Agent: đại lý độc quyền
- Customer: khách hàng
- Consumer: người tiêu dùng cuối cùng
- End user = consumer
- Consumption: tiêu thụ
- Exclusive distributor: nhà phân phối độc quyền
- Manufacturer: nhà sản xuất (~factory)
- Supplier: nhà cung cấp
- Producer: nhà sản xuất
- Trader: trung gian thương mại
- OEM: original equipment manufacturer: nhà sản xuất thiết bị gốc
- ODM: original designs manufacturer: nhà thiết kế và chế tạo theo đơn đặt hàng
- Entrusted export/import: xuất nhập khẩu ủy thác

- Brokerage: hoạt động trung gian (broker-người làm trung gian)
- Intermediary = broker
- Commission based agent: đại lý trung gian (thu hoa hồng)
- Export-import process: quy trình xuất nhập khẩu
- Export-import procedures: thủ tục xuất nhập khẩu
- Export/import policy: chính sách xuất/nhập khẩu (3 mức)
- Processing: hoạt động gia công
- Temporary import/re-export: tạm nhập-tái xuất
- Temporary export/re-import: tạm xuất-tái nhập
- Processing zone: khu chế xuất
- Export/import license: giấy phép xuất/nhập khẩu
- Customs declaration: khai báo hải quan
- Customs clearance: thông quan
- Customs declaration form: Tờ khai hải quan
- Tax(tariff/duty): thuế
- GST: goods and service tax: thuế giá trị gia tăng (bên nước ngoài)
- VAT: value added tax: thuế giá trị gia tăng
- Special consumption tax: thuế tiêu thụ đặc biệt
- Customs : hải quan
- General Department: tổng cục

- Department: cục
- Sub-department: chi cục

II. TỪ VỰNG TIẾNG ANH HẢI QUAN

- Bill of lading: Vận đơn (danh sách chi tiết hàng hóa trên tàu chở hàng)
- C.&F. (cost & freight): bao gồm giá hàng hóa và cước phí nhưng không bao gồm bảo hiểm
- C.I.F. (cost, insurance & freight): bao gồm giá hàng hóa, bảo hiểm và cước phí
- Cargo: Hàng hóa (vận chuyển bằng tàu thủy hoặc máy bay)
- Certificate of origin: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
- Container: Thùng đựng hàng lớn (công-ten-nơ)
- Container port (cảng công-ten-nơ); to Containerize (cho hàng vào công-ten-nơ)
- Customs: Thuế nhập khẩu; hải quan
- Customs declaration form: tờ khai hải quan
- Declare: Khai báo hàng (để đóng thuế)
- F.a.s. (free alongside ship): Bao gồm chi phí vận chuyển đến cảng nhưng không gồm chi phí chất hàng lên tàu.
- F.o.b. (free on board): Người bán chịu trách nhiệm đến khi hàng đã được chất lên tàu
- Freight: Hàng hóa được vận chuyển
- Irrevocable: Không thể hủy ngang; unalterable – irrevocable letter of credit (tín dụng thư không hủy ngang)

- Letter of credit (L/C): Tín dụng thư(hình thức mà Ngân hàng thay mặt Người nhập khẩu cam kết với Người xuất khẩu/Người cung cấp hàng hoá sẽ trả tiền trong thời gian qui định khi Người xuất khẩu/Người cung cấp hàng hoá xuất trình những chứng từ phù hợp với qui định trong L/C đã được Ngân hàng mở theo yêu cầu của người nhập khẩu)
- Merchandise: Hàng hóa mua và bán
- Packing list: Phiếu đóng gói hàng (một tài liệu được gửi kèm với hàng hóa để thể hiện rằng chúng đã được kiểm tra)
- Pro forma invoice: Hóa đơn tạm thời
- Quay: Bến cảng; wharf – quayside (khu vực sát bến cảng)
- Ship: Vận chuyển (hàng) bằng đường biển hoặc đường hàng không; tàu thủy
- Shipment (việc gửi hàng)
- Shipping agent: Đại lý tàu biển
- Waybill: Vận đơn (cung cấp thông tin về hàng hóa được gửi đi)

III. MỘT SỐ THUẬT NGỮ XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG TIẾNG ANH THƯỜNG XUYỀN ĐƯỢC SỬ DỤNG

1. Agency Agreement - Hợp đồng đại lý

Là một hợp đồng trong đó người ủy thác ủy nhiệm cho người đại lý thay mặt mình để thực hiện một số công việc được chỉ định, và bằng dịch vụ đó người đại lý nhận được một số tiền thù lao gọi là hoa hồng đại lý.

2. Agency Fees - Đại lí phí

Là số tiền thù lao mà chủ tàu trả cho đại lý tàu biển về những dịch vụ đã làm trong lúc tàu hoạt động tại cảng như: làm thủ tục ra vào cảng, liên hệ các nơi và theo dõi bốc dỡ hàng,...

3. All in Rate - Cước toàn bộ

Là tổng số tiền bao gồm: Cước thuê tàu, các loại phụ phí và phí bất thường khác mà người thuê phải trả cho người chuyên chở.

4. All Risks (A.R.) - Bảo hiểm mọi rủi ro

Là điều kiện bảo hiểm rộng nhất và theo điều kiện này, người bảo hiểm chịu trách nhiệm về mọi rủi ro gây ra mất mát, hư hỏng cho hàng hóa được bảo hiểm (thiên tai, tai nạn của biển, rủi ro phụ khác,...) nhưng loại trừ các trường hợp: Chiến tranh, đình công, khủng bố, khuyết tật vốn có của hàng hóa, hành động ác ý của người được bảo hiểm, tàu không đủ khả năng hàng hải, mất mát hư hỏng do chậm trễ, thiếu sót về bao bì đóng gói hàng, hao hụt tự nhiên của hàng, hư hỏng, mất mát hoặc chi phí do thiếu khả năng thanh toán của người chủ tàu, người thuê tàu hoặc người điều hành chuyên chở.

IV. MỘT SỐ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT NGÀNH XUẤT NHẬP KHẨU

- Cost, Insurance and Freight (CIF): Tiền hàng, bảo hiểm và cước phí
- Change of Destination (COD): Phụ phí thay đổi nơi đến
- Delivered at Place (DAP): Giao tại nơi đến
- Delivered at Terminal (DAT): Giao tại bến
- Delivered Duty Paid (DDP): Giao hàng đã nộp thuế
- Delivery Order (D/O): Lệnh giao hàng

- Destination Delivery Charge (DDC): Phụ phí giao hàng tại cảng đến
- Documents Against Acceptance (D/A): Chấp nhận thanh toán trao chứng từ
- Documents Against Payment (D/P): Thanh toán trao chứng từ
- Drafts (B/E): Hối phiếu
- Ex Work (EXW): Giao hàng tại xưởng
- Fédération Internationale Association de (FIATA): Liên đoàn quốc tế các nhà giao nhận hàng hóa
- FIATA B/L (FBL): Vận đơn của FIATA
- Forwarder's Cargo Receipt (FCR): Vận đơn của người giao nhận
- Free Alongside Ship (FAS): Giao dọc mạn tàu
- Free Carrier (FCA): Giao cho người chuyên chở
- Free on Board (FOB): Giao lên tàu
- Full container Load (FCL/FCL): Phương pháp gửi hàng chẵn bằng container
- Good Storage Practice (GPS): Thực hành tốt bảo quản
- Harmonized System Codes (HS Code): Mã HS
- House Airway Bill (HAWB): Vận đơn nhà
- International Commercial Terms (Incoterms): Điều kiện thương mại quốc tế
- International Chamber of Commercial (ICC): Phòng thương mại quốc tế
- Less than container Load (LCL/LCL): Phương pháp gửi hàng lẻ bằng container
- Letter of Credit (L/C): Thư tín dụng

Website: TRAININGTANCANG.COM – TAILIEUXNK.COM

Page: CHỨNG TỪ XUẤT NHẬP KHẨU – THỰC TẬP XUẤT NHẬP KHẨU

VP: 141 VÕ OANH, Phường 25, Quận BÌNH THẠNH, TP.HCM

- Long ton (LT): Tấn dài (1016,46kg) theo hệ Anh
- Mail Transfer (M/T): Chuyển tiền bằng thư